

Số: 04 /QĐ-THPT.HD

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai kết quả thực hiện hoàn lại tiền Bảo hiểm y tế học sinh  
năm học 2025 -2026 của Trường THPT Hắc Dịch**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT HẮC DỊCH**

Căn cứ Thông tư 09/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện theo hướng dẫn số 3566/BHXH-QLT ngày 19 tháng 11 năm 2025 của BHXH Thành Phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện Nghị Quyết của HĐND Thành Phố về hỗ trợ đóng BHYT cho học sinh trên địa bàn Thành Phố.

Căn cứ vào thông báo số 252/TB-THPT.HD ngày 24/11/2025 về việc thông báo hoàn lại tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm học 2025 -2026 của Trường THPT Hắc Dịch.

Theo đề nghị của kế toán Trường Trung học phổ thông Hắc Dịch;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai kết hoàn lại tiền Bảo hiểm y tế học sinh năm học 2025 -2026 của Trường THPT Hắc Dịch chi tiết như sau:

Đối với học sinh đã đóng tiền qua app banking: 1636 học sinh với số tiền là: 1.033.624.800 đồng.

Đối với học sinh đã đóng tiền 15 tháng (3 tháng sử dụng cho năm 2025, 12 tháng sử dụng cho năm 2026):  $3 \text{ học sinh} \times 631.800 = 1.895.400 \text{ đồng}$

Đối với thẻ BHYT do mạnh thường quân:  $20 \text{ học sinh} \times 631.800 = 12.636.000 \text{ đồng}$

(Có danh sách ký nhận)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng, kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bảng tin nhà trường;
- Website Trường THPTHD;
- Lưu: VT,KT;

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Nguyễn Đức Thiện**

BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ PHÚ MỸ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 214/QĐ-BHXH

Phú Mỹ, ngày 11 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc hoàn trả tiền thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,  
bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp

### GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ PHÚ MỸ

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị Quyết số 56/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Bộ phận Quản lý thu và phát triển người tham gia;

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Hoàn trả số tiền 14.531.400 đồng (viết bằng chữ: Mười bốn triệu năm trăm ba mươi một nghìn bốn trăm đồng) cho đơn vị HSSV Trường THPT Hắc Dịch do được cấp thẻ theo Nghị quyết số 56/2025/NQ-HĐND của HĐND TPHCM (Có Danh sách 23 người kèm theo). TK nhận tiền: Trường THPT Hắc Dịch; Số TK: 7620153139 - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Mỹ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng (Tổ trưởng) Quản lý thu và phát triển người tham gia; Trưởng phòng (Tổ trưởng) Kế hoạch - Tài chính, các phòng (tổ) trực thuộc Bảo hiểm Xã hội cơ sở Phú Mỹ và đơn vị, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



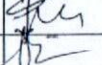
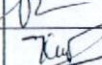
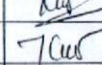
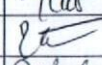
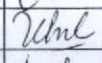
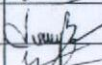
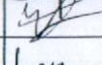
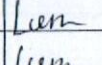
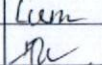
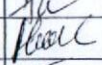
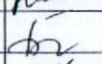
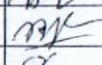
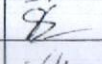
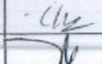
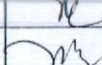
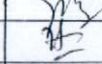
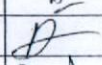
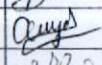
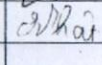
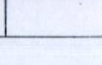
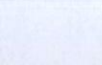
Nguyễn Văn Sơn

BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢO HIỂM XÃ HỘI CƠ SỞ PHÚ MỸ

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ TIỀN ĐÓNG BHYT**

(Kèm theo Quyết định số: 214/QĐ-BHXH ngày 11 tháng 12 năm 2025)

| STT   | Họ và tên                | Ngày sinh  | Mã số      | Thời hạn sử dụng      | Mức tiền làm căn cứ đóng | Số tháng tham gia | Giảm mức đóng (%) | Số tiền đóng | Số tháng hoàn trả | Số tiền hoàn trả | Đã tham gia theo nhóm đối tượng                  | Ghi chú ký nhận                                                                                |
|-------|--------------------------|------------|------------|-----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------|--------------|-------------------|------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|       |                          |            |            |                       |                          |                   |                   |              |                   |                  | Mã Thẻ                                           |                                                                                                |
| 1     | 2                        | 3          | 4          | 5                     | 6                        | 7                 | 8                 | 9            | 10                | 11               | 12                                               | 14                                                                                             |
| 1     | Ngô Việt Anh             | 11/06/2010 | 3020551592 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN       |
| 2     | Vũ Văn Đức               | 12/02/2010 | 3020576700 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN       |
| 3     | Lê Công Vinh             | 18/12/2010 | 7722289560 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN       |
| 4     | Nguyễn Huỳnh Nhật Linh   | 27/06/2008 | 7722738826 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN       |
| 5     | Phan Thành Công          | 19/07/2010 | 7722260822 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN       |
| 6     | Vũ Thị Hương             | 15/07/2010 | 3621520886 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN       |
| 7     | Nguyễn Đình Hải Anh      | 26/02/2009 | 7722259592 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN       |
| 8     | Hoàng Tuấn Thịnh         | 26/09/2009 | 7722178853 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN       |
| 9     | Nguyễn Thanh Hoàng Phong | 30/08/2009 | 7722270766 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN       |
| 10    | Vy Nguyễn Bình An        | 04/05/2009 | 7722437778 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN      |
| 11    | Trần Thủy Vy             | 12/03/2009 | 7722200214 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN      |
| 12    | Huỳnh Đức                | 04/07/2007 | 7722358744 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN     |
| 13    | Nguyễn Thanh Thủy        | 29/06/2008 | 7722197762 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN     |
| 14    | Nguyễn Thị Thu Thảo      | 24/10/2008 | 7722647465 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN     |
| 15    | Tô Gia Huy               | 20/03/2008 | 7722203193 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN     |
| 16    | Nguyễn Thị Hải Yến       | 24/11/2008 | 7722205351 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN     |
| 17    | Lê Thị Minh Thư          | 08/01/2008 | 7722220982 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  Học Sinh |
| 18    | Nguyễn Thành Thuận       | 14/04/2008 | 7722463940 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN     |
| 19    | Cao Minh Hậu             | 17/03/2008 | 7722847490 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN     |
| 20    | Nguyễn Thị Diệu Hiền     | 27/06/2008 | 7722212704 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN     |
| 21    | Dương Trung Bắc          | 04/12/2009 | 7722166033 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  GVCN     |
| 22    | Trương Quỳnh Anh         | 11/01/2010 | 9124163240 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  Học Sinh |
| 23    | Đinh Công Quốc Nhật      | 21/02/2009 | 4620090720 | 01/01/2026-31/12/2026 | 2.340.000                | 12                | 50%               | 631.800      | 12                | 631.800          | Hoàn trả theo Nghị quyết 56/2025 của HĐND TP.HCM |  Học Sinh |
| Cộng: |                          |            |            |                       |                          |                   |                   | 14.531.400   |                   | 14.531.400       |                                                  |                                                                                                |

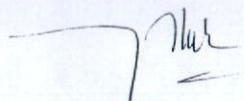
| STT | Họ và tên | Ngày sinh | Mã số | Thời hạn sử dụng | Mức tiền làm căn cứ đóng | Số tháng tham gia | Giảm mức đóng (%) | Số tiền đóng | Số tháng hoàn trả | Số tiền hoàn trả | Đã tham gia theo nhóm đối tượng | Ghi chú |
|-----|-----------|-----------|-------|------------------|--------------------------|-------------------|-------------------|--------------|-------------------|------------------|---------------------------------|---------|
|     |           |           |       |                  |                          |                   |                   |              |                   |                  | Mã Thẻ                          |         |
| 1   | 2         | 3         | 4     | 5                | 6                        | 7                 | 8                 | 9            | 10                | 11               | 12                              | 14      |

- Số người: 23 người

- Số tiền hoàn trả:

14.531.400 đồng

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Phụng



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Sơn

## TỔNG HỢP DANH SÁCH TRẢ TIỀN BHYT CHO HỌC SINH

Đợt thu: Đợt 1 tháng 10/2025

| Số TT | Lớp   | Số Học sinh | Số tiền/HS | Số đã thu  | Ghi chú            |
|-------|-------|-------------|------------|------------|--------------------|
| 1 /   | 10A1  | 40          | 631.800    | 25.272.000 |                    |
| 2 /   | 10A2  | 35          | 631.800    | 22.113.000 |                    |
| 3 /   | 10A3  | 38 40       | 631.800    | 25.272.000 |                    |
| 4 /   | 10A4  | 36          | 631.800    | 22.744.800 |                    |
| 5 /   | 10A5  | 43          | 631.800    | 27.167.400 | L.N. R. Dung       |
| 6 /   | 10A6  | 39          | 631.800    | 24.640.200 | Trần Anh Dũng      |
| 7 /   | 10A7  | 44          | 631.800    | 27.799.200 | N. H. Quý Khanh    |
| 8 /   | 10A8  | 43          | 631.800    | 27.167.400 | Hoàng Tú / Cười    |
| 9 /   | 10A9  | 36          | 631.800    | 22.744.800 | Lê Văn T. C. Huyền |
| 10 /  | 10A10 | 44          | 631.800    | 27.799.200 | Võ Thị Yên Nhi     |
| 11 /  | 10A11 | 36          | 631.800    | 22.744.800 | Trần Chí Hoàng     |
| 12 /  | 10A12 | 41          | 631.800    | 25.903.800 |                    |
| 13 /  | 10A13 | 44          | 631.800    | 27.799.200 | Võ Thị Thanh Tuyền |
| 14 /  | 11A1  | 41          | 631.800    | 25.903.800 | Trần Thanh Thủy    |
| 15 /  | 11A2  | 42          | 631.800    | 26.535.600 | N.N. Q. Khanh      |
| 16 /  | 11A3  | 39          | 631.800    | 24.640.200 | Lê Ngọc Bích Lê    |
| 17 /  | 11A4  | 39          | 631.800    | 24.640.200 | Lê Ngọc Bích Lê    |
| 18 /  | 11A5  | 41          | 631.800    | 25.903.800 |                    |
| 19 /  | 11A6  | 39          | 631.800    | 24.640.200 |                    |
| 20 /  | 11A7  | 43          | 631.800    | 27.167.400 |                    |
| 21 /  | 11A8  | 44          | 631.800    | 27.799.200 |                    |
| 22 /  | 11A9  | 44          | 631.800    | 27.799.200 |                    |
| 23 /  | 11A10 | 42          | 631.800    | 26.535.600 |                    |
| 24 /  | 11A11 | 40          | 631.800    | 25.272.000 |                    |
| 25 /  | 11A12 | 38          | 631.800    | 24.008.400 | Hoàng Ngọc         |
| 26 /  | 11A13 | 37          | 631.800    | 23.376.600 |                    |

| Số TT       | Lớp   | Số Học sinh | Số tiền/HS | Số đã thu            | Ghi chú |
|-------------|-------|-------------|------------|----------------------|---------|
| 27 /        | 11A14 | 37          | 631.800    | 23.376.600           | H       |
| 28 /        | 11A15 | 33          | 631.800    | 20.849.400           | mg      |
| 29 /        | 12A1  | 39          | 631.800    | 24.640.200           | Du      |
| 30 /        | 12A2  | 38          | 631.800    | 24.008.400           | g       |
| 31 /        | 12A3  | 42          | 631.800    | 26.535.600           | Thuan   |
| 32 /        | 12A4  | 39          | 631.800    | 24.640.200           | Hau C   |
| 33 /        | 12A5  | 38          | 631.800    | 24.008.400           | Tu      |
| 34 /        | 12A6  | 41          | 631.800    | 25.903.800           | to      |
| 35 /        | 12A7  | 45          | 631.800    | 28.431.000           | dy      |
| 36 /        | 12A8  | 40          | 631.800    | 25.272.000           | g       |
| 37 /        | 12A9  | 39          | 631.800    | 24.640.200           | Uhu     |
| 38 /        | 12A10 | 37          | 631.800    | 23.376.600           | H       |
| 39 /        | 12A11 | 40          | 631.800    | 25.272.000           | ms      |
| 40 /        | 12A12 | 44          | 631.800    | 27.799.200           | tho     |
| 41 /        | 12A13 | 34          | 631.800    | 21.481.200           | ah      |
| <b>Tổng</b> |       |             |            | <b>1.033.624.800</b> |         |

Bằng chữ: Một tỷ không trăm ba mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm đồng chẵn.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025



Hiệu Trưởng

Nguyễn Đức Thiện

Thủ quỹ

Nguyễn Thị Đào

Người lập

Võ Thị Phụng